

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bầy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, giao nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn P kết hôn vào ngày 03/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh P lười lao động, không chịu làm và thường xuyên rượu chè về nhà chửi bới, xúc phạm vợ

con. Chị đã nhắc nhở anh P nhiều lần nhưng anh P không thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng lớn. Không những thế anh P uống rượu vào còn sang cả nhà bố mẹ chị để chửi bới. Khi sự việc xảy ra như vậy chị đã trình báo cả Công an xã để giải quyết. Từ khi chị kết hôn với anh P, đã 5 lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ để ở mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, còn cụ thể ngày, tháng, năm nào thì chị không nhớ. Gần đây nhất là Tết năm 2022, anh P và chị xảy ra mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ để ở được khoảng 10 ngày thì anh P sang xin lỗi, vì nghĩ đến các con nên lại quay về để tiếp tục sống cùng anh P. Tuy nhiên, anh P không thay đổi vẫn say rượu và chửi bới xúc phạm chị. Vì vậy, từ tháng 5/2022, chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở hẳn và làm đơn xin ly hôn anh P. Nay chị N xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nhiều năm nên chị xin được ly hôn anh P.

Tại biên bản lấy lời khai của Bị đơn, anh Phạm Văn P trình bày: anh kết hôn với chị N vào ngày 03/02/2006 được đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Anh. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, vợ chồng chỉ thường xuyên cãi cọ lẫn nhau. Từ khi kết hôn đến nay, chị N bỏ đi 4-5 lần, còn cụ thể ngày nào anh không nhớ, sau đó chị N lại tự về, từ tháng 5/2022, chị N bỏ nhà đi không quay về chung sống cùng anh. Lần này, anh có đi tìm chị N về nhưng chị N không về mà còn cho người ra đánh anh, Công an xã có can thiệp để giải quyết. Nay anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến chị N bỏ đi nhiều lần, nên chị N quay về đoàn tụ gia đình thì anh cũng nhất trí, còn nếu chị N vẫn quyết tâm xin ly hôn anh thì anh cũng phải chịu và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh P đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Bích V, sinh ngày 05/8/2007 và Phạm Việt H, sinh ngày 15/7/2009. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị N. Quan điểm của chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh P các cháu ở với ai là tùy theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu ở với anh thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị N và anh P đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh P, đề nghị được nuôi con chung, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh P; Về con chung: Giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Anh Phạm Văn P là Bị đơn trong vụ án, được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn P kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị N thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là do tính tình không hợp, anh P hay uống rượu rồi về chửi bới vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh P cùng xác định vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, chị N đã 5 lần bỏ nhà đi. Toà án đã triệu tập anh P đến Toà án tham gia phiên hoà giải với mong muốn anh P và chị N về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, tuy nhiên anh P đều không đến. Điều đó, thể hiện anh P đã bỏ mặc cho hôn nhân đổ vỡ chứ không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N xin được ly hôn anh Phạm Văn P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị N thì thấy: Toà án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Phạm Việt H, sinh ngày 15/7/2009 và Phạm Thị Bích V, sinh ngày 05/8/2007 các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy, hai con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, chị N hiện có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị N là phù hợp nguyện vọng của cháu H và cháu V và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thị Bích V, sinh ngày 05/8/2007 và Phạm Việt H, sinh ngày 15/7/2009 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004744 ngày 04 tháng 8 năm 2022.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích

